

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm Quyết định số 37B/QĐ-ĐV ngày 19 tháng 9 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: Y sĩ

Mã ngành, nghề: 5720101

Trình độ đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông Quốc gia tham gia dự tuyển, xét tuyển vào trường Trung Cấp Đại Việt Tp. Hồ Chí Minh theo qui định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo đề án tuyển sinh riêng của trường.

Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn về y học ở trình độ trung cấp; làm nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh; có đủ sức khỏe; không ngừng học tập để nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về khoa học cơ sở: Giải phẫu sinh lý; Vi ký sinh trùng; Dược lý; Dinh dưỡng; Vệ sinh phòng bệnh; Truyền thông giáo dục sức khỏe; Tổ chức và quản lý y tế....

- Có kiến thức cơ bản về các nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp trong các chuyên khoa Nội, Ngoại, Sản, Nhi, và Truyền nhiễm.

- Trình bày và áp dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp và chăm sóc bệnh nhân.



- Trình bày những nguyên tắc cơ bản về cách phát hiện, biện pháp can thiệp và dự phòng các vấn đề sức khỏe cộng đồng; Áp dụng kiến thức về sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người trong việc duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe

- Trình bày được các quy định của luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2.2. Kỹ năng:

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán và điều trị một số bệnh, chứng bệnh thường gặp trong phạm vi quy định của phân tuyến kỹ thuật. Hướng dẫn nhân dân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Áp dụng Y học cổ truyền đặc biệt là các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Hướng dẫn và tư vấn nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh. Tham gia truyền thông, giáo dục sức khỏe, tư vấn về các vấn đề sức khỏe cho cộng đồng.

- Thực hiện các chương trình Y tế tại địa phương.

- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở.

- Tham gia sơ cứu các tai nạn và thảm họa xảy ra tại địa phương.

- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.

- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đảm bảo quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh..

- Kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm với đồng nghiệp và với các ban ngành, đoàn thể để thực hiện tốt công tác quản lý trạm y tế và truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và thực hành có bằng chứng về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người bệnh

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Đọc hiểu được nội dung của các văn bản viết về Y học và hướng dẫn sử dụng thuốc bằng tiếng Anh.

- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên;
- Chủ động hoàn thành các nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ đột xuất;
- Tuân thủ các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y học cổ truyền và các quy trình kỹ thuật của ngành y;
- Chủ động xin ý kiến cấp trên trong trường hợp vượt quá khả năng của mình;
- Thận trọng, tỉ mỉ, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người sinh viên sau khi được cấp bằng tốt nghiệp có thể được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế của Nhà nước hoặc cơ sở y tế ngoài công lập theo quy chế tuyển dụng công chức và người lao động, cụ thể là: có thể làm những công việc chuyên môn tại các Trạm Y tế xã/phường, các bệnh viện, các phòng khám khu vực, y tế cơ quan, trường học.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề y học cổ truyền trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học	: 32 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học	: 60 ĐVHT
- Khối lượng các môn học chung /đại cương	: 180 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn	: 1530 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 365 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm	: 1294 giờ
- Giờ kiểm tra/thi	: 51 giờ

3. Nội dung chương trình học

Mã môn	Môn học	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	LT	TH,TN,B T, TL	KT/ Thi
I.	Các môn học chung/đại cương					
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Giáo dục pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất		30	4	24	2
MH 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh căn bản	4	90	30	56	4
Tổng		9	180	69	103	8
II.	Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành					
1.	Các môn cơ sở					
MH 07	Giải phẫu – Sinh lý	2	30	13	13	4
MH 08	Vi sinh – Ký sinh trùng	1	15	13	0	2
MH 09	Dược lý	2	30	28	0	2
MH 10	Dinh dưỡng - VSATTP	1	15	13	0	2
MH 11	Điều dưỡng cơ bản và KTDD	2	45	15	25	5
MH 12	Vệ sinh phòng bệnh	1	15	13	0	2
MH 13	Kỹ năng giao tiếp và GDSK	1	15	13	0	2
MH 14	Quản lý và tổ chức y tế	1	15	13	0	2
Tổng		11	180	121	38	21
2.	Môn học chuyên môn ngành					
MH 15	Cấp cứu ban đầu	2	30	13	13	4
MH 16	Bệnh nội khoa	2	30	28	0	2
MH 17	Bệnh ngoại khoa	2	30	28	0	2
MH 18	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	2	30	28	0	2
MH 19	Sức khỏe trẻ em	1	15	13	0	2
MH 20	Sức khỏe sinh sản	1	15	13	0	2
MH 21	Bệnh chuyên khoa	1	15	13	0	2
MH 22	Y học cổ truyền	1	15	13	0	2
MH 23	Phục hồi chức năng	1	15	13	0	2
MH 24	Y tế cộng đồng	1	15	13	0	2

Mã môn	Môn học	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	LT	TH, TN, B T, TL	KT/ Thi
MH 25	Thực tập lâm sàng điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	3	120	0	120	0
MH 26	Thực tập lâm sàng nội khoa	3	120	0	120	0
MH 27	Thực tập lâm sàng ngoại khoa	3	120	0	120	0
MH 28	Thực tập lâm sàng nhi khoa	3	120	0	120	0
MH 29	Thực tập lâm sàng sản phụ khoa	3	120	0	120	0
MH 30	Thực tập lâm sàng truyền nhiễm	3	120	0	120	0
MH 31	Thực tập Y tế cộng đồng	3	120	0	120	0
MH 32	Thực tập tốt nghiệp	5	300	0	300	0
Tổng		40	1350	175	1153	22
TỔNG CỘNG TOÀN KHOÁ		60	1710	365	1294	51
III.	Thi tốt nghiệp					
TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Ghi chú		
1	Giáo dục chính trị	Viết	120 phút			
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút			
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	Từ 20-30 phút/HS			

Ngoài việc thực hiện chương trình trên, Nhà trường tổ chức giảng dạy các môn kỹ năng mềm chuẩn đầu ra theo quy định của Nhà trường, phù hợp theo từng ngành cụ thể.

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

4.1. Các môn học chung nhà trường

Thực hiện theo quy định của Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 tiết học lý thuyết = 45 phút
- 1 tiết học thực hành/tích hợp/TT lâm sàng = 60 phút
- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết
- 1 tín chỉ thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận, ...) = 30 tiết.

Một ngày học thực hành/ tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/ tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/ học lý thuyết và thực hành cơ bản/ cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực được do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo người Y sỹ , kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4.

Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1.

(2). Điểm kiểm định kỳ: Hệ số 2.

→ Điểm TB điểm kiểm tra = $[\text{Điểm hệ số 1} + (\text{Điểm hệ số 2} \times 2)] / \text{tổng hệ số}$

Điểm TB điểm kiểm tra đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

* **Điểm thi kết thúc môn:** Trọng số 0,6

* **Cách tính điểm TB môn:**

Điểm TB môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

→ Điểm Tb môn = $[\text{Điểm TB điểm kiểm tra} \times 0,4] + [\text{Điểm thi kết thúc môn} \times 0,6]$

Điểm TB môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

Ghi chú: Học sinh sinh viên (HSSV) được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học;
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo ngành Y sỹ và tích lũy đủ số học phần trong chương trình mới được thi tốt nghiệp. Khoa Y Dược có trách nhiệm tổ chức ôn và thi tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả hoàn thành chương trình đào tạo của học sinh, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lương Kim Anh

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Y sĩ

Mã ngành: 5720101

Học kỳ I

Học kỳ II

Học kỳ III

Học kỳ IV

Các môn học chung/đại cương

Giáo dục chính trị

↓
Pháp luật đại cương

↓
Giáo dục thể chất

↓
Giáo dục ANQP

↓
Tiếng anh căn bản

↓
Tin học đại cương

↓
Giải phẫu - Sinh lý

↓
Vi sinh - Ký sinh trùng

↓
Dược lý

↓
Dinh dưỡng - VSATTP

Các môn học chuyên môn

Điều dưỡng cơ bản và KTĐD

↓
Vệ sinh phòng bệnh

↓
Kỹ năng giao tiếp và GDSK

↓
Quản lý và tổ chức y tế

↓
Cấp cứu ban đầu

↓
Bệnh nội khoa

↓
Bệnh ngoại khoa
2TC

↓
Bệnh truyền nhiễm, xã hội

↓
Sức khỏe trẻ em

↓
Sức khỏe sinh sản

Các môn học chuyên môn

Bệnh chuyên khoa

↓
Y học cổ truyền
1TC

↓
Phục hồi chức năng

↓
Y tế cộng đồng

↓
Thực tập lâm sàng điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng

↓
Thực tập lâm sàng điều dưỡng nội khoa

↓
Thực tập lâm sàng điều dưỡng ngoại khoa

↓
Thực tập lâm sàng điều dưỡng nhi khoa

Các môn học chuyên môn

Thực tập lâm sàng điều dưỡng sản phụ khoa

↓
Thực tập lâm sàng điều dưỡng truyền nhiễm

↓
Thực tập điều dưỡng cộng đồng

↓
Thực tập tốt nghiệp

↓
Thi tốt nghiệp

